TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST Ngày: 09/01/2019 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long.
2. Bà Cao Thị Chính

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương-Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 956/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 130 /2018/QĐST –HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 136 /2018/QĐST –HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ 1, Khu vực 1, phường N, TP Quy Nhơn, Bình Định
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Bùi Văn P- Luật sư, Văn phòng luật sư P-Quy Nhơn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: 654 NTH, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc B- sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ 27, Khu vực 5, P. Đ, TP Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/ 8 /2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc B tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2003. Năm 2013 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Quy Nhơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7/2018 phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B không có trách nhiệm với gia đình. Chị B tự ý bỏ về sống tại nhà cha mẹ ruột từ tháng 7/2018, cho nên vợ chồng phần ai nấy lo, không còn quan tâm, trách nhiệm lẫn nhau. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên xin ly hôn chị Trần Thị Ngọc B.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Ngọc B có bốn con chung: Trần Thị Thanh T - sinh ngày 16/12/2004, Trần Thị Thanh T- sinh ngày 27/12/2006, Trần Thanh D- sinh ngày 22/02/2011 và Trần Nguyễn Thanh V- sinh ngày 23/6/2013. Trong Giấy khai sinh của các con chỉ thể hiện họ tên mẹ là Trần Thị Ngọc B, không thể hiện họ tên cha là do anh và chị B đăng ký kết hôn sau thời điểm làm giấy khai sinh của các con. Hiện tại Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D đang ở với anh, còn Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V đang ở với chị B, sức khỏe các con bình thường. Ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D, tự nguyện giao hai con Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm nghề bốc vát, với mức thu nhập bình quân 3.500.000đ/tháng nên không có khả năng cấp dưỡng cho hai conTrần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V theo yêu cầu chị B.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Trần Thị Ngọc B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Tại bản khai ngày 18 /9 /2018 và biên bản hòa giải ngày 19/9/2018 bị đơn chị Trần Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ có thời gian chung sống như vợ chồng, đến năm 2013 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Quy Nhơn. Sau khi kết hôn vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị nợ người khác, anh Đ phải đứng ra trả nợ thay. Anh Đ đã xúc phạm đánh đập, đuổi ra khỏi nhà nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 7/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có bốn con chung: Trần Thị Thanh T - sinh ngày 16/12/2004, Trần Thị Thanh T- sinh ngày 27/12/2006, Trần Thanh D- sinh ngày 22/02/2011 và Trần Nguyễn Thanh V- sinh ngày 23/6/2013. Hiện tại Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D đang ở với anh Đ, còn Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V đang ở với chị, sức khỏe các con bình thường. Nếu ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục được nuôi Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V, tự nguyện giao hai con Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chị Trần Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về pháp luật nội dung: Anh Đ chị B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Quy Nhơn đúng quy định Luật Hôn nhân và gia đình

nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh Đ xúc phạm đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung và trực tiếp nuôi con: Anh Đ và chị B thống nhất có bốn con chung: Trần Thị Thanh T - sinh ngày 16/12/2004, Trần Thị Thanh T- sinh ngày 27/12/2006, Trần Thanh D- sinh ngày 22/02/2011 và Trần Nguyễn Thanh V- sinh ngày 23/6/2013. Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D, chị B trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của các cháu nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu V 1.000.000đ/tháng. Hiện tại, anh Đ với nghề bốc vát, mức thu nhập 3.500.000đ/tháng, anh còn phải trực tiếp nuôi hai con là cháu T và cháu D. Do đó, yêu cầu của chị B không phù hợp với điều kiện thu nhập của anh Đ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Ngọc B thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Ý kiến của anh Bùi Văn P: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị Ngọc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Vụ án có quan hệ "Ly hôn, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con" quy định tại khoản 1 khoản 5 Điều 28, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Trần Thị Ngọc B vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, thành phố Quy Nhơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 98/2013 ngày 12/9/2013 là đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị B là hợp pháp.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt, nhưng tại bản khai ngày 18/9/2018 chị cũng thừa nhận: Chị và anh Đ có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, chị còn yêu thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên,Tòa đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng chị B vắng mặt, chứng tỏ chị không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, còn anh Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn. Cho thấy, hôn nhân giữa anh Đ, chị B đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[3] Mặc dù trong Giấy khai sinh của các con đều không thể hiện họ tên cha là Nguyễn Văn Đ, nhưng anh Đ và chị B đều khai thống nhất có bốn con chung Trần Thị Thanh T - sinh ngày 16/12/2004, Trần Thị Thanh T- sinh ngày 27/12/2006, Trần Thanh D- sinh ngày 22/02/2011 và Trần Nguyễn Thanh V- sinh ngày 23/6/2013. Anh Định trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D, chị B trực tiếp nuôi dưỡng Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V. Việc anh Đ và chị B thống nhất về con chung và người trực tiếp nuôi con là tự nguyện, phù hợp với thời điểm anh Đ và chị B đăng ký kết hôn và nguyện vọng của các cháu nên HĐXX ghi nhận.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu V 1.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa anh Đ khai: với nghề bốc vát, mức thu nhập bình quân 3.500.000đ/tháng, anh còn phải trực tiếp nuôi hai con là cháu T và cháu D, nên không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị B. Vì vậy, yêu cầu của chị B chưa phù hợp với điều kiện thu nhập của anh Đ nên HĐXX không chấp nhận.

[5]Tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Ngọc B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,35,39,147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc B.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc B có bốn con chung: Trần Thị Thanh T - sinh ngày 16/12/2004, Trần Thị Thanh T- sinh ngày 27/12/2006, Trần Thanh D- sinh ngày 22/02/2011 và Trần Nguyễn Thanh V- sinh ngày 23/6/2013.

Giao Trần Thị Thanh T và Trần Thanh D cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao Trần Thị Thanh T và Trần Nguyễn Thanh V cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng.

Không chấp nhận yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ của chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không ai được cản trở; đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc B thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000377 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Anh Đ đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Ngọc B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSNDTP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Văn Hiệp